

TRIẾT LÝ NHẬP THỂ CỦA PHẬT GIÁO THỜI TRẦN VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ

THE PHILOSOPHY OF INCARNATION OF BUDDHISM UNDER TRAN DYNASTY AND HISTORICAL VALUES

Nguyễn Thị Kim Bình

Đại học Đà Nẵng; ntkbinh@ac.udn.vn

Tóm tắt - Phật giáo thời Trần ngoài yếu tố Phật, còn có yếu tố của Nho giáo và nó dựa trên tư tưởng yêu nước truyền thống. Vì thế Phật giáo Trúc Lâm thời Trần có sự hình thành nhân sinh quan nhập thể tích cực, gắn Phật giáo với đời, với nước với dân. Có thể khẳng định, sự ra đời Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã góp phần cổ vũ tinh thần người dân nước Việt, phát triển mạnh mẽ những giá trị văn hoá bản địa, nội sinh trong lòng dân tộc. Nét độc đáo và giá trị lịch sử của Phật giáo thời Trần là vừa gắn bó với vận mệnh chính trị của dân tộc vừa đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh, tín ngưỡng của mỗi cộng đồng người ở từng thời đại, giai đoạn lịch sử cụ thể.

Từ khóa - Phật giáo; thời Trần; văn hóa; lịch sử; dân tộc.

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam có cả sự ảnh hưởng, tiếp nhận từ phương Nam và phương Bắc, có cả các bậc sư tổ người nước ngoài và người Việt, có cả sự trầm tích, cộng sinh và phát triển trên cơ sở văn hoá truyền thống bản địa. Tuy vậy, phải đến Phật giáo thời Trần, các giá trị vật thể và phi vật thể liên quan Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mới là một minh chứng sâu sắc cho khả năng tồn tại và phát triển của một di sản văn hoá, bất chấp năm tháng và mọi thăng trầm thế sự. Theo một nghĩa rộng, di sản này đã toả sáng thành "tâm thức Trúc Lâm" trong lòng mỗi con người thuộc mọi thế hệ, ở khắp mọi miền đất nước và lưu truyền trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Phật giáo đời Trần để lại cho chúng ta vô số những bài học quý giá, trong đó bài học về sự thịnh suy của Phật giáo là đáng quan tâm nhất. Chúng ta thấy những lúc Phật giáo cực thịnh không phải là lúc làm chùa, nhiều sư, mà thực ra, có được sự hưng thịnh của Phật giáo là nhờ vào trí tuệ Phật chất tỏa ra từ mỗi người con của đức Phật. Phật chất ấy là hoa trái của những ngày tháng công phu tu tập. Chính cái đó mới có thể luân lưu trong dòng đời bất tận mà tỏa sáng muôn ngàn thế hệ hôm nay và mai sau.

2. Bối cảnh lịch sử xuất hiện của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần

Mô hình tổ chức Phật giáo thời Trần ra đời dựa trên hai tiền đề xã hội và tôn giáo hình thành trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước nhà. Về mặt xã hội, nhà Trần trong buổi đầu mới thành lập, đứng trước yêu cầu cấp bách: vừa phải ổn định triều chính, củng cố quyền lực của vương triều mới vừa phải có kết nhân tâm, nhanh chóng xây dựng quốc gia hùng cường để đối phó với nguy cơ xâm lược lớn từ kẻ thù hùng mạnh phương Bắc đang ngày càng hiện diện. Những người lãnh đạo tối cao của vương triều Trần đã sáng suốt nhận rõ: công việc cấp bách thiết thực nhất đặt ra trước mắt là xây dựng một ý thức hệ độc lập thống nhất hướng tới

Abstract - Apart from the elements of Buddhism, Buddhism under Tran dynasty had the elements of Confucianism and it was based on traditional patriotism. So Trúc Lam Buddhism under Tran dynasty with the formation of viewpoint of incarnation enter a positive association with the advent of Buddhism, the country and the people. It can be confirmed that the introduction Trúc Lam Yen Tu Zen contributed to encouraging Vietnamese citizens, strongly developing indigenous cultural values, endogenous in people's hearts. The unique and historical value of Buddhism under Tran dynasty not only attaches itself to the political destiny of the nation but also meets the needs spiritual beliefs of each community in every specific period, in every age.

Key words - buddhism; Tran dynasty; culture; history; people.

bốn mục đích chính:

- Thoát khỏi sự lệ thuộc chặt chẽ về ý thức hệ với nước ngoài để thanh toán hoàn toàn mọi cơ sở của nước xâm lược.

- Làm cơ sở tư tưởng để thống nhất ý thức dân tộc về mặt chính trị nhằm củng cố sự thống nhất dân tộc thêm một bước nữa.

- Làm công cụ thống nhất quyền lực vào chính quyền Trung ương, tức quy tụ vào tộc họ Trần sau khi đã soạn ngôi nhà Lý một cách hòa bình.

- Làm phương tiện giải quyết các mâu thuẫn nội bộ dân tộc chủ yếu là giai cấp lãnh đạo và đông đảo quần chúng nhân dân nhằm duy trì một trật tự xã hội và cũng tức là duy trì ngai vàng của dòng họ.

Về mặt tôn giáo, nhà Trần lựa chọn Thiền tông làm ý thức hệ tiêu biểu, và cần phải thay đổi nội dung của các Thiền phái để đáp ứng các yêu cầu căn bản như trên là một sự lựa chọn có chủ đích và hợp lý. Vì thế, nhà Trần chủ trương lập ra một Thiền phái có nội dung tư tưởng độc lập, thể hiện đúng tinh thần bản sắc dân tộc hơn, hướng đến các mục tiêu sau:

- Tự mình phân biệt với Thiền tông ở Trung Quốc, biểu lộ tính độc lập dân tộc của quốc gia Đại Việt đương thời.

- Thay đổi một phần nội dung tiêu cực và thân ngoại quốc của các phái Thiền tông trong nước.

- Vượt lên trên sự khác biệt của tất cả các tông phái Phật giáo cũng như các tín ngưỡng phi Phật giáo để nhằm thống nhất ý thức hệ xã hội.

- Tự khoác cho mình chiếc áo một tôn giáo mới - tuy rằng thực tế chỉ là một thiền phái Phật giáo, với đầy đủ các yếu tố đậm chất dân tộc để thu phục quần chúng.

Về mặt tiền đề tư tưởng, Phật giáo Trúc Lâm thời Trần đã kế thừa trực tiếp những tư tưởng tích cực của Phật giáo Thiền tông, Tịnh độ tông và Mật tông (chủ yếu là Thiên tông) đã xuất hiện từ thời Bắc thuộc như Tì ni đa lưu chi (thế kỷ VI), Vô Ngôn thông (thế kỷ IX) và một thiền phái mới

xuất hiện và thịnh hành trong suốt thời Lý – Thiền phái Thảo Đường, chủ yếu gắn với tầng lớp quý tộc vương triều Lý. Điều đáng chú ý là sự phát triển của Phật giáo từ Lý sang Trần có một bước chuyển biến khá căn bản. Bởi đến thời Trần, những thiền phái vốn có từ thời Bắc thuộc và thịnh hành trong thời Lý đã chấm dứt. Ba thiền phái vốn có từ thời Lý tuy mất đi, nhưng lại được thay thế bằng sự xuất hiện của một thiền phái mới – Thiền phái Trúc Lâm với sự kế thừa và dung hòa, tích hợp những thiền phái trước đó, nhưng có tính nhập thế mạnh mẽ. Đó là tư tưởng nhập thế gắn đạo với đời, tu tập theo tinh thần “Phật tại tâm”, vừa tích cực tham gia bảo vệ tổ quốc, làm tròn phận sự với đời, vừa chăm lo cho việc siêu thoát – mặt đời sống tinh thần của tất cả chúng sinh.

Tóm lại, trong bối cảnh phải khơi dậy và tập trung sức mạnh toàn dân tộc để đối phó với hiểm họa ngoại xâm khổng lồ của giặc phương Bắc thì tư tưởng nhân sinh Phật giáo thời Trần gắn chặt với đất nước và dân tộc. Với quan niệm: “Phật tại tâm”, các thiền sư nhà Trần đã dẫn dắt chúng sinh theo tinh thần “Phật tại thế gian, bất ly thế gian”, “phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật” góp phần tạo nên tư tưởng hộ quốc an dân tồn tại phổ biến trong mỗi người tu theo thiền phái Trúc Lâm. Đó là tinh thần nhập thế tích cực nổi trội của Phật giáo thời Trần.

3. Nhân sinh quan nhập thế của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần

Nhập thế tích cực

Tinh thần “Vô ngã”

Giáo lý “vô ngã” nhấn mạnh tính giây lát của tồn tại. “Vô ngã” là không có cái tôi thường định. Cuộc đời hay thế giới này không bền lâu vững chắc, giống như gió thổi mây bay, lúc có, lúc không, lúc ẩn, lúc hiện, biểu hiện cái vô thường trôi chảy không ngừng. Bởi thế, con người không nên làm, chấp vào cái huyền ảo của cuộc đời. Các Thiền sư thời Trần đã hiện thực hóa giáo lý vô ngã, nâng nó lên thành một triết lý sống. Vì không hiểu giáo lý vô ngã, nên con người thường bị hoàn cảnh chi phối, kích thích, khiến bên trong thì bị phiền não khuấy nhiễu, bên ngoài thì chạy theo thanh sắc. Vì thế con người muốn tự tại mà chưa tự tại, muốn an vui mà chưa lúc nào an vui. Khi đã hiểu rõ giáo lý vô ngã, thì một thế giới vô ngã trùm khắp cả vũ trụ, chẳng còn chi ghét – thương, của ta – của người. Tất cả các phạm trù đối đãi đều tan biến, con người tự do, tự tại.

Đặc biệt, vô ngã là cái đẹp tuyệt đối vì nó không hạn hẹp, nó không nhuộm màu phân biệt, khi nó tỏa ra trong cuộc sống thì đó là lòng Đại Từ Bi, khi nó vươn đến tầng cao thì đó là Đại Trí Tuệ. Vì cái đẹp tuyệt đối nên không có phân biệt chủ khách. Tinh thần vô ngã không mang ý nghĩa phi nhân bản với cách hiểu xóa bỏ con người – cá nhân mà chính là yêu cầu giải phóng tuyệt đối với con người - giải phóng mọi ràng buộc của tự nhiên, xã hội và của cả chính bản thân mình. Nó tạo nên một con người tự do tuyệt đối, nói như Trần Thánh Tông “*đã nhả ra khỏi vạn tầng của ngục tù mặc sức tung hoành*” [1]. Đây cũng là một khía cạnh của tinh thần phá chấp ở cấp độ cao, phá bỏ cái chấp khó phá bỏ nhất là “*chấp ngã*”, khu khu bám vào cái tôi thấy, cái tôi nghe, cái tôi nghĩ, cái tôi cảm ... thì ý nghĩ và hành động chỉ là thiên lệch, chủ quan. Giáo lý vô ngã giúp con người phá bỏ được cái chấp thủ khó phá nhất là “*chấp ngã*”, vượt lên

trên cái nhìn nhị nguyên, đạt đến cái nhìn bình đẳng vô sai biệt đối với vạn vật. Vì giáo lý vô ngã là cốt lõi của sự giải thoát, nên với tinh thần này các vị Thiền sư đã chỉ cho mọi người thấy được “*Chúng sanh dữ Phật đồng*”. Chúng sanh và Phật không khác: “*Cùng là mày ngang mũi dọc*”; “*Lỗ mũi pháp phỗng thờ xưa nay đều giống nhau*” [2, tr.27].

Các Thiền sư thời Trần bằng tinh thần vô ngã đã trang bị cho mọi người lòng tự tin hơn vào nền độc lập tự chủ của nước nhà. Khiến họ tin tưởng hơn vào sự nghiệp chung của dân tộc, sự nghiệp đoàn kết toàn dân bảo vệ đất nước sẽ thắng lợi về vang. Lòng tin được củng cố và củng chính là động lực mạnh mẽ thúc đẩy họ tham gia tích cực hơn vào sự nghiệp vĩ đại của toàn dân tộc: giữ vững quyền tự chủ của nhân dân, của nước nhà. Tinh thần vô ngã còn đem lại cho con người lòng vị tha – yếu tố tối cần thiết cho những nhà cầm quyền nếu muốn đem lại hạnh phúc thực sự cho dân và hợp lòng dân. Có quên mình thì mới thấy đúng sự thực cuộc sống của dân từ nơi vị trí cao nhất trong xã hội. Nhờ tinh thần ấy mà những người lãnh đạo quốc gia thời ấy, khi nhận trách nhiệm thì tận tụy hết lòng, khi hết vai trò thì dễ dàng “*liã bỏ ngai vàng như trút bỏ chiếc giày rách*”. Họ tùy duyên mà hành động đi đến vô tâm, bởi hiểu biết quy luật vô thường của cuộc sống và không làm coi cái “*tôi*” là một giá trị vĩnh hằng. Chính vì thế, họ đã sống trọn vẹn và hoàn thành nghĩa vụ của một con người. Niềm vui nhẹ nhàng thư thái từ bên trong tâm hồn họ đã toát ra, để hài hòa cùng sự trong sáng của đất trời vạn vật.

Tinh thần “Tùy duyên”

Đạo Phật luôn “*Tùy duyên*” theo từng phong tục tập quán ở mỗi quốc gia khác nhau, nhưng tính chất “*Bất biến*” của đạo Phật không bao giờ thay đổi. Tinh thần “*Tùy duyên bất biến*” đó được các Thiền sư thời Trần thực hiện bằng cách thế nhập vào cuộc sống xã hội, hoá độ tất cả mọi đối tượng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Với tâm không dính mắc thì đời là đạo, tâm ấy chính là tâm thiên. Tâm thiên hiện hữu thì đời sống ấy chính là thiên. Đối với các Ngài thì sự tu học gắn liền với mọi sinh hoạt của cuộc sống đời thường, và liên hệ chặt chẽ với những hoạt động của mọi người trong xã hội.

Phật giáo là cuộc sống, không có sự phân biệt bất cứ thành phần nào trong xã hội. Phật giáo chính là quá trình đi tìm chân lý. Chân lý thì không nằm trong Phật giáo, mà nằm trong cuộc sống. Từ đây chúng ta không ngạc nhiên vì khi Trần Nhân Tông xây dựng chủ thuyết Cư Trần Lạc Đạo, để làm tôn chỉ hoạt động thiền phái. Thông qua bài Cư Trần Lạc Đạo tư tưởng ở đời mà vui với đạo, càng làm sáng tỏ tinh thần tùy duyên (nhập thế) để con người an trú với Đạo. Người Phật tử Đại Việt thời Trần chỉ tùy duyên, tùy thuận vào mối liên hệ phân công của xã hội theo khả năng của mình mà thể hiện đời sống đạo bằng cách:

“Dứt trừ nhân ngã, thì ra thực tướng kim cương

Dừng hết tham sân mới lâu lòng mẫu Viên giác” [3]

Như vậy, sống ở thành thị hay núi rừng không quan trọng, mà quan trọng nhất là ở giữa cuộc đời trần tục giác ngộ mới đáng thật tự hào. Chính bản thân Trần Nhân Tông là một người tìm thấy giác ngộ ngay những ngày với cương vị nhà lãnh đạo tối cao đang ráo riết chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh (1287) do Hốt Tất Liệt tiến hành và nhất là rơi vào thời điểm khi mẹ vua Trần Nhân Tông mất như sử liệu ghi.

Phật luôn hóa hiện giữa đời, mỗi người chỉ cần đoạn xa tham, sống đạo đức nhân nghĩa với người khác thì ai cũng là Phật. Đây là giá trị thiết thực mà tư tưởng giác ngộ trong Cư Trần Lạc Đạo đem lại:

*“Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tác
Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thực đã đồ công” [2, tr.55]*

Lý tưởng giác ngộ và giải thoát dành cho tất cả mọi người, xuất gia cũng như tại gia, sống trong chùa cũng như sống ngoài đời, miễn là con người biết tu tập tâm. Người trần tục tu hành thành công, được giác ngộ giải thoát, thì phúc đức ấy thật quý giá, còn tu trên rừng núi mà vẫn không giác ngộ thì đó là cái họa vô ích mà thôi.

Đó là tư tưởng mọi người đều bình đẳng trước chân lý, trước lý tưởng giải thoát giác ngộ của đạo Phật. Con người vốn là Phật, nhưng lại quên mất gốc của mình là Phật, nên đi cầu tìm Phật ở đâu. Phật giáo Đại Việt với nền Phật giáo thế sự, lấy chủ trương tùy tục để nhập thế. Con người không nhất thiết xuống tóc xuất gia, chỉ cần ngộ cái lý ngũ uẩn là không, chân tâm không tướng... thế nhập đời trong mối tương quan, mà có thái độ sống thích hợp, công hiến cho đời là cho đạo:

*“Sạch với lòng, chùi giới tướng, nội ngoại
nên Bồ tát trang nghiêm.*

*Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đồ mớ
trượng phu trung hiếu.” [2, tr.67]*

Đó chính là tùy duyên mà hành động, đem đạo vào đời để phục vụ xã hội, phục vụ nhân dân cùng với việc tham thiền học đạo. Bởi vì các Thiền sư biết rất rõ “*đạo bất viễn nhân*”, đạo phải được sống, được thể nghiệm ngay trong lòng cuộc đời. Tóm lại, các vị Thiền sư tùy duyên vào cuộc đời đã mở ra một chân trời an lạc, trong sáng, hướng dẫn chúng sinh tìm về với đạo pháp, tránh ác làm lành, tu tâm hành thiện để đi đến giải thoát khỏi sinh tử, khổ đau.

Tinh thần “Hòa quang đồng trần”

Trong thời Trần, các Thiền sư đã hòa cùng bước thăng trầm vinh nhục của dân tộc, đất nước. Sự đóng góp của các Ngài dưới các triều đại đã thể hiện rõ nét truyền thống yêu nước của Phật giáo Việt Nam. Hình ảnh vị Thiền sư dùng gậy Thiền để bảo vệ non sông đất nước thực là dung dị. Thời Trần không ít những Thiền sư đã tham gia “*trấn giữ*” và xây dựng đất nước như thế. Các Ngài luôn tạo ra một khuynh hướng sống cho mình, làm cơ sở cho thực hành sống cho người. Hành trang của các Thiền sư là trí tuệ, từ bi và bình đẳng. Các Ngài mang hành trang của mình đi khắp mọi nẻo đường đất nước với tinh thần hòa quang đồng trần, với một mục đích duy nhất là đưa con người đến cuộc sống an lạc hạnh phúc. Và càng đáng quý hơn là hình ảnh một vị Thiền sư thông dong với cuộc sống an nhàn, giản dị chốn núi rừng vắng vẻ, khi việc an dân vệ nước đã thành: “*Giàu sang mây nổi đến dân dã,*

Ngày tháng trôi nhanh chẳng đợi mà.

Chi bằng tiểu ẩn nơi rừng suối,

Một giòng gió mát, một chung trà” [2, tr.37]

Các vua quan Phật tử thời Trần đã “*hòa quang đồng trần*” rất sống động trong việc an dân, trị quốc và bảo vệ quê hương.

Sự hiện diện của các Ngài trong thời đại bấy giờ, trong đạo lý dân tộc Việt Nam có thể ví như một ngọn đèn sáng xua tan bóng tối trong căn nhà chứa đầy những vật dụng quý báu. Chẳng hạn, nhờ sớm ngộ lý thiền, biết hòa quang đồng trần, Thượng Sĩ đã tự tại trong mọi tình huống. Tuệ Trung Thượng Sĩ – Thiền sư đã thể hiện tinh thần nhập thế “*phụng đạo, hộ quốc, giúp đời*” một cách chủ động và tự tại:

“Gió thổi ngai gì đám hoa rậm

Trăng tà đâu quản đầy khe sâu.” [4]

Thái độ ung dung của Thượng Sĩ cho ta thấy ông đã sống giữa lòng thế tục, hòa ánh sáng mình trong cuộc đời bụi bặm; trong mọi cuộc tiếp xúc, ông luôn luôn giữ thái độ hòa ái nên chưa bao giờ gặp phải những trường hợp phiền nghịch. Do đó, ông cũng như nhiều bậc chân tu Trúc Lâm đời Trần có thể làm tiếp nối được hạt giống chánh pháp, dù dắt được những kẻ mới học, đem ánh sáng từ bi và trí tuệ rọi chiếu vào cuộc sống, đồng thời chuyển hóa nó thành cõi Niết bàn – vốn chỉ hiện diện khi và chỉ khi con người thể hiện hành vi ban vui cứu khổ. Tóm lại, các Thiền sư thời Trần hóa độ chúng sanh bằng cách hòa quang nhập tục, đồng với mọi người trong mọi công việc, đồng cam cộng khổ với người, an nguy cùng hưởng, vui buồn cùng chia, luôn sống hài hòa với chúng sanh.

4. Kết luận

Triều Trần với hào khí Đông A rực rỡ, quốc gia Đại Việt không ngừng được củng cố, trưởng thành và vững mạnh. Để có một đất nước hùng cường, bên cạnh việc đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ độc lập, một vấn đề đặt ra không kém phần quan trọng là đấu tranh cho nền thống nhất vững chắc của đất nước. Thời Trần, đại gia đình các dân tộc chung sống ổn định trên lãnh thổ thuộc quốc gia Đại Việt đã biết chụm nhau lại, đoàn kết thành một khối để tồn tại và phát triển. “*Đoàn kết là sức mạnh*”, chân lý đó không còn là một bài học đầu miệng, mà đã thấm vào xương tủy và biến thành hành động đối với mọi thành viên trong xã hội. Trong sức mạnh tinh thần ấy, thực tiễn đã chứng minh và khẳng định có tư tưởng chủ đạo của đạo Phật, mà các vị vua Trần là những Phật tử thuần thành, là những thiền sư, đã trị nước với tâm vô ngã, vị tha của đạo Phật. Nhờ vậy, họ đã hội tụ được những tướng sĩ tài ba thao lược, dân và quân một lòng yêu nước thương nhà, đồng tâm đoàn kết. Tinh thần từ bi đoàn kết của đạo Phật kết hợp với tinh thần nồng nàn yêu nước của dân tộc Việt Nam, rõ ràng không chỉ làm nên một bản lĩnh ý chí chiến đấu, mà còn là nền tảng của chính sách ngoại giao mềm dẻo, đức độ, cao thượng tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Đó là những giá trị lịch sử chân chính mà chúng ta ngày nay cần ghi nhận và học tập noi theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hùng Hậu (1996), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Phật giáo Trần Thái Tông*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
- [2] Nguyễn Hùng Hậu (1997), *Lược khảo tư tưởng thiền Trúc Lâm Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hùng Hậu (1995), Tìm hiểu tư tưởng triết học Thiền của Trần Nhân Tông, *Tạp chí Triết học* (số 3), tr26.
- [4] Nguyễn Đức Diện (1998), Mối quan hệ giữa đạo đức và giải thoát trong thiền học của Tuệ Trung Thượng Sĩ, *Tạp chí Triết học* (số 6), tr34.